

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 03 - 2024

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Thu; bà Nguyễn Thị Bá Thiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2024 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 01/03/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Văn N, sinh năm 2001. Trú tại: Số G đường N, tổ F, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Vũ Quốc Đ, sinh năm 1993. Trú tại: Số A đường T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

- Bà Đào Hồng X, sinh năm 1965. Trú tại: Số A đường T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Quách Thị N1, sinh năm 1968. Trú tại: Số G đường N, tổ F, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Văn N trình bày:

Chị và anh **Vũ Quốc Đ** kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại **UBND phường Q, thành phố H** ngày 30/6/2022, nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau kết hôn vợ chồng chị sống cùng bố mẹ anh **Đ** tại **số A T, phường Q**. Chị không làm gì, còn anh **Đ** ban đầu chạy xe thuê nhưng không làm đều, chủ yếu là nghỉ. Cuộc sống ăn ở của hai vợ chồng là do bố mẹ anh **Đ** nuôi. Anh **Đ** hay dùng tình dầu thơm, mỗi lần dùng xong anh đều ngủ, không chịu đi làm. Vì thế chị khó chịu nên vợ chồng nhiều lần đánh cãi chửi nhau. Ngoài ra anh **Đ** còn ham chơi với bạn bè dẫn đến phạm tội bị Tòa án **thành phố H** xử phạt tù cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng vào tháng 12/2022. Chị nhận thấy sống với anh **Đ** không có tương lai và quá chán nản với cuộc sống vợ chồng. Ngày 26/4/2023 chị về nhà đẻ ở Sơn La, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Thời gian sống ly thân, anh **Đ** chưa lần nào lên tìm chị về, chỉ gọi điện nhắn tin đe dọa chị. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Chị xin ly hôn anh **Đ**.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, không có con nuôi, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết.

*Quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh **Vũ Quốc Đ** đến làm việc và hòa giải. Mẹ đẻ anh là bà **Đào Hồng X** nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và có thông báo lại cho anh biết nhưng anh không đến. Do vậy, Tòa án không lấy được lời khai của anh và cũng không tiến hành hòa giải được.*

*Người làm chứng bà **Đào Hồng X** trình bày:* Bà là mẹ đẻ anh **Đ**, mẹ chồng chị **N**. Việc chị **N**, anh **Đ** đăng ký kết hôn với nhau là tự nguyện, gia đình bà không ép buộc. Sau kết hôn vợ chồng anh **Đ** sống cùng gia đình bà. Anh **Đ**, chị **N** không làm gì vì vợ chồng bà đang lo cho anh chị đi nước ngoài. Trong thời gian chờ đợi đi nước ngoài thì anh **Đ** có tham gia cùng nhóm thanh niên gây rối trật tự công cộng, đã bị Tòa án **thành phố H** xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, thử thách 04 năm. Vì vậy anh **Đ** không thể đi được nước ngoài nên chị **N** cũng không đi. Từ khi anh **Đ** bị xử án thì chị **N** lo lắng về tương lai hạnh phúc của chị. Khoảng cuối tháng 5/2023 chị **N** anh **Đ** sống ly thân, chị về nhà đẻ ở cho đến nay không quay lại nhà bà. Bà đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh **Đ**, có báo lại cho anh nhưng anh **Đ** không nói gì và cũng không đến Tòa án làm việc.

*Người làm chứng bà **Quách Thị NI** trình bày:* Bà là mẹ đẻ chị **N**, mẹ vợ anh **Đ**. Chị **N** và anh **Đ** đăng ký kết hôn với nhau năm 2022 tại **UBND phường Q, thành phố H** là hoàn toàn tự nguyện, nhưng hai bên gia đình không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau kết hôn vợ chồng chị **N** ở cùng bố mẹ anh **Đ** tại **thành phố H**. Tháng 4/2023 chị **N** về nhà bà ở, vợ chồng chị **N** cũng ly thân từ đó đến nay. Nghe chị **N** nói lại bà biết mâu thuẫn vợ chồng chị là do trước đó anh **Đ** chơi bời có tham gia gây rối trật tự công cộng và bị Tòa án **thành phố H** xử phạt tù cho hưởng án treo. Chị **N** lo lắng cho tương lai cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc vì anh **Đ** đã có tiền án. Từ khi chị **N** về nhà bà thì bà không thấy anh **Đ** lên

tìm chị **N** quay về.

Tòa án đã mở phiên tòa ngày 15 tháng 03 năm 2024, bị đơn anh **Vũ Quốc Đ** vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị **Nguyễn Vân N** có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Anh **Vũ Quốc Đ** vắng mặt lần 2 không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, vì vậy HĐXX căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết, xét xử vắng mặt các đương sự.

- Quan điểm của đại diện VKSND thành phố Hưng Yên:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục kể từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, Điều 189, Điều 195, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX tuyên xử chị **N** được ly hôn anh **Đ**; con chung và tài sản chung không có; không xem xét giải; chị **N** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Nguyễn Vân N** yêu cầu giải quyết ly hôn với anh **Vũ Quốc Đ** có nơi cư trú: **Số A T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên**. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên. Quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

Nguyên đơn chị **Nguyễn Vân N** có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn anh **Vũ Quốc Đ** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị **N** và anh **Đ** theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Vân N** và anh **Vũ Quốc Đ** kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại **UBND phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên** ngày 30/6/2022, như vậy hôn nhân giữa chị **N** và anh **Đ** là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **N**: Chị **N** cũng như hai bên gia đình đều khẳng định cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **Đ** ham chơi với bạn bè bị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, thử thách 04 năm về tội Gây rối trật tự công cộng theo bản án số

65/2022/HS-ST ngày 12/12/2022. Việc anh Đ phạm tội đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống hạnh phúc vợ chồng nên chị N lo lắng cho hạnh phúc sau này là có cơ sở. Mặt khác, trong cuộc sống hằng ngày, theo chị N trình bày, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 4/2023 chị N và anh Đ sống ly thân, không còn quan tâm nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ không đến Tòa án bày tỏ quan điểm về việc chị N xin ly hôn, chứng tỏ anh Đ cũng không thiết tha cuộc sống vợ chồng với chị N. HĐXX thấy giữa anh chị không còn liên lạc quan tâm đến nhau, chưa có con chung không có gì ràng buộc, kinh tế chung không có, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị N xin ly hôn anh Đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về con chung: Chưa có, không có con nuôi nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết. Anh Đ không đến Tòa nên HĐXX không biết quan điểm của anh về tài sản. Nếu sau này có tranh chấp, sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Văn N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Văn N được ly hôn anh Vũ Quốc Đ.

[2]. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp, sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0000322 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Chị N đã nộp đủ án phí.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận.

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS T.P Hưng Yên;
- Phòng kiểm tra án Tòa án tỉnh Hưng Yên
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Kim Anh